TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Văn Nhị
2/ Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/01/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

* Bị đơn: Ông **Võ Nguyễn Lê Q**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp 5, xã NT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà và ông Q kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Thành, huyện X. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ngày càng trầm trọng. Nay không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, bà xác định không còn tình cảm với ông Q nên kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Nguyễn Kim L, sinh ngày 27/8/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Võ Nguyễn Lê Q trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà T, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Xuân T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Nguyễn Lê Q. Ông Q hiện cư trú tại ấp 5, xã NT, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Nguyễn Lê Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình. Bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà Quỳnh là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Thành, huyện X. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T xác định không còn tình cảm với ông Q nên kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy, từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông Q không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T và vắng mặt suốt quá trình tố tụng dù được triệu tập hợp lệ.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông Q là trầm trọng. Ông Q không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T nên yêu cầu xin ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng Võ Nguyễn Kim L, sinh ngày 27/8/2016, con chung hiện nay đang sống với bà, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình *"....Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi,*

.....”. Hơn nữa, cháu Long đang sống chung với bà T. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của cháu Long, nên yêu cầu được nuôi con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận. Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Q được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39,147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T đối với ông Võ Nguyễn Lê Q.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Võ Nguyễn Lê Q.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Kim L, sinh ngày 27/8/2016 cho bà Nguyễn Thị Xuân T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Nguyễn Lê Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Q được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003892, ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Xuân T không phải nộp thêm. Ông Võ Nguyễn Lê Q không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *Chi cục THA huyện X;*
- *VKSND huyện X;*
- *Các đương sự;*
-*UBND xã NT;*
-*Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng